

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 90 /2022/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 01 năm 2023

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- VPĐP NTM Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐ + CVVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, K10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 90/2022/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Ngoài các nội dung quy định tại Quy định này, các nội dung chi khác từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kinh phí sự nghiệp của trung ương và ngân sách địa phương thực hiện theo Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách

địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND).

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình phải hướng tới đạt mục tiêu thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bình Định theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu) giai đoạn 2021-2025 ban hành tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ MỘT SỐ NỘI DUNG CHI

Điều 4. Một số nội dung và mức chi chung (quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chi công tác phí, tổ chức hội nghị, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 5. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu (quy định tại Điều 7 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 6. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (quy định tại Điều 8 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền

theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 7. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn (quy định tại Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng.

b) Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền.

c) Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành.

d) Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương.

e) Tuyên truyền vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 8. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp (quy định tại Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng

nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức của xã, huyện, tỉnh.

b) Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 9. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (quy định tại Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 38/2019/NQ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2019-2025 và điểm a Khoản 5 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 10. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (quy định tại Điều 12 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Áp dụng đồng bộ các loại máy, thiết bị, công nghệ giữa các khâu sản xuất nông nghiệp với nguồn nhân lực được đào tạo, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tổ chức sản xuất nông nghiệp phù hợp, trong đó xây dựng và phát triển các dự án cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và các dự án trung tâm cơ giới hóa vùng, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 10 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 11. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam (quy định tại khoản 2 Điều 14 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Rà soát, công nhận các làng nghề truyền thống: Thực hiện điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống chưa đáp ứng được tiêu chí công nhận để có kế hoạch thực hiện hỗ trợ bảo tồn và phát triển phù hợp. Đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ, xét công nhận các làng nghề truyền thống đã đáp ứng được tiêu chí theo quy định để thực hiện hỗ trợ theo chính sách;

b) Khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền:

Đối với những làng nghề đang trong quá trình mai một và có khả năng mất đi: Hỗ trợ thực hiện công tác bảo tồn; tiến hành điều tra, xác định và xây dựng dự án để duy trì các hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghệ nhân hoạt động “trình diễn” nhằm lưu giữ, truyền nghề và phục yêu cầu du lịch, văn hóa.

Đối với những làng nghề có khó khăn: Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ tay nghề cao và các cơ sở sản xuất duy trì sản xuất các sản phẩm độc đáo phục vụ sinh hoạt, các lễ hội của cộng đồng và hướng tới sản xuất một số loại sản phẩm cao cấp, có giá trị kinh tế cao đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Thực hiện sưu tầm, thu thập, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các mẫu hoa văn truyền thống trên các sản phẩm và có hướng đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sản xuất tại làng nghề.

Tổ chức đào tạo, truyền nghề, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động, cải tiến thiết kế mẫu mã, nâng cao chất lượng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các làng nghề được phục hồi và phát triển. Thành lập và duy trì hoạt động các tổ chức nghề nghiệp của làng nghề.

c) Hỗ trợ để phát triển các làng nghề truyền thống đã được công nhận đang hoạt động tốt có khả năng lan tỏa sang các khu vực khác

Phát triển mạnh các làng nghề truyền thống sản xuất những sản phẩm có giá trị kinh tế, hàm lượng văn hóa cao và có tiềm năng xuất lớn như chế biến nông lâm thủy sản, mây tre đan, gốm sứ, thêu dệt, chạm khắc, sơn mài, kim hoàn... Khuyến khích sự lan tỏa, cây nghề truyền thống ra vùng xung quanh và đẩy mạnh hỗ trợ sáng tạo phát triển sản phẩm mới.

Đầu tư, hỗ trợ áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào một số công đoạn sản xuất kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm. Nâng cấp, hoàn thiện các biện pháp và công trình xử lý môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất lớn có năng lực di chuyển vào khu, cụm công nghiệp để đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô sản xuất phát triển sản phẩm; các cơ sở sản xuất nhỏ liên kết với các cơ sở lớn tiêu

thụ sản phẩm ra thị trường. Thành lập và tổ chức hoạt động hiệu quả các tổ chức nghề nghiệp của làng nghề.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao

Điều 12. Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị (quy định tại Điều 15 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Theo quy định tại điểm b, e khoản 3 Điều 12 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Đầu tư, hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên với hàm lượng muối (NaCl) thấp, có lợi cho sức khỏe.

b) Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử, mở mã QR và sử dụng mã QR giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương, xúc tiến thương mại các sản phẩm từ muối.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 13. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (quy định tại Điều 20 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và theo khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

+ Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương;

+ Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường;

+ Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền;

+ Quy hoạch và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm (nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,...), đạt chất lượng phục vụ khách du lịch;

+ Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,...);

+ Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh,...) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với các điểm du lịch với khoảng cách hợp lý.

- Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

+ Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi,...). Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch;

+ Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường;

+ Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng;

+ Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống, gắn với du lịch nông thôn.

b) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được

cấp có thẩm quyền phê duyệt theo khoản 5 Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,...) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 14. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (quy định tại Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nội dung và mức hỗ trợ:

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

a) Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế;

b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;

c) Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/tủ sách.

b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/tủ sách.

c) Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/năm.

b) Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn: 30 triệu đồng/năm.

Điều 15. Chi thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh (quy định tại Điều 29 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án/kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh. Quy mô thực hiện mô hình/đề án/kế hoạch, định mức kinh tế kỹ thuật, nội dung cụ thể của mô hình/đề án/kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường sau khi được ban hành.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao

Điều 16. Chi xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường (quy định tại Điều 30 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, xác định khu vực ô nhiễm; xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 17. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu (quy định tại Điều 31 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (có hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường; đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; đảm bảo 3 sạch; hàng rào xanh; cảnh quan xanh mát, sạch đẹp; không gian phù hợp với truyền thống văn hoá địa phương) theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 18. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (quy định tại Điều 32 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và theo Điều 20 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Cấp nước sạch nông thôn

- Hỗ trợ đầu tư một số mô hình cấp nước sạch tại các vùng đặc thù, vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước (vùng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, vùng sâu, vùng xa, miền núi, bãi ngang ven biển, biên giới, hải đảo);

- Xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thu, xử lý và trữ nước an toàn hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình, mô hình cấp nước hộ gia đình thích ứng với biến đổi khí hậu cho dân cư vùng đặc thù, chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung, khan hiếm, khó khăn về nguồn nước.

b) Chất thải rắn sinh hoạt

- Hỗ trợ kỹ thuật, trang thiết bị, chế phẩm sinh học để thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình; xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với các địa bàn có mật độ dân cư khác nhau và mục đích sử dụng chất thải sau phân loại;

- Xây dựng, triển khai và hoàn thiện mô hình liên kết thị trường để thu hồi, sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm tái chế, tái sử dụng từ chất thải;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Nước thải sinh hoạt

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương;

- Triển khai thí điểm một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp; mô hình thu phí xử lý nước thải sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn.

d) Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý chất thải chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn chất thải cho mục đích sản xuất nông nghiệp và các mục đích khác;

- Mô hình cung cấp, trao đổi chất thải chăn nuôi để hình thành thị trường trao đổi chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị sản xuất các loại phân hữu cơ;

- Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý chất thải nhựa trong sản xuất nông nghiệp.

đ) Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

- Hoàn thiện công nghệ và xây dựng các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ về xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng thành chất thải thông thường;

- Hoàn thiện và nhân rộng các mô hình quản lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật đã qua sử dụng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

e) Bảo vệ môi trường làng nghề: Hỗ trợ xây dựng mô hình khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi di dời cơ sở sản xuất.

f) Cảnh quan môi trường nông thôn: Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình cải tạo cảnh quan theo hướng đa chức năng; tăng cường trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

g) Công tác vệ sinh: Hoàn thiện, phổ biến và nhân rộng các mô hình nhà tiêu hợp vệ sinh đơn giản, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, phù hợp tập quán địa phương và khả năng chi trả của người dân; áp dụng thí điểm mô hình nhà vệ sinh đa năng tại một số trường học, nhà văn hóa, công sở.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 19. Chi tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh (quy định tại Điều 33 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi thiết kế, sản xuất và lắp biển địa chỉ số đến từng địa chỉ (hộ gia đình, cơ quan, công trình, địa danh và đối tượng khác trên địa bàn nông thôn) theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 8 Thông tư 05/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định, hướng dẫn thực hiện nội dung 09 thuộc thành phần số 02 và nội

dung 02 thuộc thành phần số 08 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 20. Chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh (quy định tại Điều 34 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Chi hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và theo điểm a khoản 5 Điều 21 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Mô hình xã/thôn nông thôn mới thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự, du lịch nông thôn...).

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 21. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Hỗ trợ xây dựng mô hình; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp theo hướng dẫn số 205-HD/HNDTW ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về Quy trình thành lập và tổ chức hoạt động của Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

2. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng mô hình Chi, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.

b) Hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 22. Chi thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng (quy định tại khoản 7 Điều 45 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi: Hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả theo quy định tại điểm c khoản 2 Văn bản số 06/HĐ-BCA-V05 ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Bộ Công an Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về an ninh, trật tự đối với xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh theo dự án/kế hoạch/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 23. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ các chương trình, kế hoạch, dự án và các nguồn huy động hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tổng hợp đề xuất phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh hàng năm cho các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương để thực hiện Chương trình theo đúng quy định tại Quy định này.

b) Hướng dẫn các sở, ngành liên quan và địa phương triển khai thực hiện nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh theo đúng quy định tại Quy định này và các quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan đề xuất phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh hàng năm cho các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương để thực hiện Chương trình theo đúng quy định tại Quy định này.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính chủ trì trình UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh hàng năm cho các sở, ngành liên quan và các địa phương để thực hiện Chương trình theo đúng quy định tại Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện, thanh toán, quyết toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm các sở, ngành được phân bổ vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Lập kế hoạch tổ chức triển khai nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Lập kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn các xã xây dựng nông thôn mới triển khai nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của trung ương và tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh các nội dung quy định, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.